

Bản án số: 110/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 8 - 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN TỈNH SÓC TRĂNG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mến.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

2. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024; về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lý M, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin vắng mặt)

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị Ngọc K, sinh năm 2002;

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lý M trình bày:** Nguyên năm 2020, ông Lý M với bà Trần Thị Ngọc K xác lập quan hệ hôn nhân, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 80 ngày 06/7/2020. Trong quá trình chung sống ông bà có một con chung là cháu Lý Thiên Â, sinh ngày 16/3/2020 (theo Giấy khai sinh số 616 ngày 06/07/2020), hiện cháu Lý Thiên Â sống với ông Lý M, do ông Lý M trực tiếp nuôi; không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không có người

khác nợ vợ chồng. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường cãi vã, phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và cả hai không có tiếng nói chung nên nên đã không còn chung sống vợ chồng.

Nay ông Lý M nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lý M xin được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc K.

- Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Lý Thiên Ân đến trưởng thành (tròn 18 tuổi); ông Lý M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, người khác nợ vợ chồng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Bị đơn Trần Thị Ngọc K:** Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và người khác nợ vợ chồng, bà Trần Thị Ngọc K thống nhất và đồng ý theo ông Lý M trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn với nhau, vợ chồng hay cự cãi nên không còn chung sống vợ chồng. Theo ông Lý M yêu cầu ly hôn là bà Trần Thị Ngọc K đồng ý. Về con chung, bà Trần Thị Ngọc K đồng ý giao con chung là cháu Lý Thiên Ân, sinh ngày 16/3/2020 cho ông Lý M nuôi dưỡng và bà Trần Thị Ngọc K không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, người khác nợ vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin vắng mặt và không có ý kiến khác nên xem như giữ nguyên nội dung đơn yêu cầu khởi kiện.

\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

### *[I] Về tố tụng:*

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Lý M yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc K; yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Lý Thiên Ân, sinh ngày 16/3/2020 đến trưởng thành (tròn 18 tuổi); ông Lý M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung, người khác

nợ vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Trong vụ án bị đơn Trần Thị Ngọc K cư trú tại ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, vụ án được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm và không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần ủy thác tư pháp. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Lý M và bị đơn Trần Thị Ngọc K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

### [III] Về nội dung:

[1] Nguyên đơn Lý M và bị đơn Trần Thị Ngọc K kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được UBND xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 80 ngày 06/7/2020, nên quan hệ hôn nhân giữa anh ông Lý M với bà Trần Thị Ngọc K là hợp pháp. Sau khi kết hôn ông Lý M và bà Trần Thị Ngọc K chung sống hạnh phúc và đã có một con chung là cháu Lý Thiên Ân, sinh ngày 16/3/2020; ông Lý M và bà Trần Thị Ngọc K đều xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, xảy ra mâu thuẫn, cự cãi và bất hòa trong cuộc sống nên đã không còn chung sống vợ chồng từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay.

[2] Theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình “*Cá nhân có quyền kết hôn, ly hôn...; Cá nhân thực hiện quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình theo quy định của Bộ luật này, Luật hôn nhân và gia đình...*” và theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*”. Do đó, tự ông Lý M hoặc ông Lý M cùng bà Trần Thị Ngọc K có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, nên ngày 17/04/2024 ông Lý M tự mình gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc K là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Theo nguyên đơn Lý M trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, xảy ra mâu thuẫn và bất hòa trong cuộc sống nên đã không còn chung sống vợ chồng từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay, thời gian ông Lý M với bà Trần Thị Ngọc K phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống tính đến thời điểm khởi kiện và xét xử sơ thẩm là đã lâu, nên mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, đến mức trầm trọng, làm cho cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được, tình cảm vợ chồng thật sự đã hết và về tương lai cũng không thể hàn gắn được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của các bên và đến việc nuôi dạy con cái; nay ông Lý M cương quyết ly hôn với bà Trần Thị Ngọc K. Bà Trần Thị Ngọc K cũng đồng ý ly hôn theo theo ông Lý M yêu

cầu. Do đó, theo ông Lý M yêu cầu xin được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc K là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp.

[4] Về con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn thì “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Xét thấy, cháu Lý Thiên Ân, sinh ngày 16/3/2020 tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Lý Thiên Ân trên 36 tháng tuổi nhưng chưa đủ 07 tuổi nên quyết định giao các cháu cho ai trực tiếp nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu; trên thực tế cháu Lý Thiên Ân từ khi ông Lý M và bà Trần Thị Ngọc K không còn chung sống thì ông Lý M là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay, cháu Lý Thiên Ân hiện được ông Lý M nuôi dưỡng, chăm sóc tốt và tình cảm gắn bó với ông Lý M. Hiện tại ông Lý M cũng có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi cháu Lý Thiên Ân, nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến thể chất, tinh thần (đời sống tâm sinh lý và tình cảm) và cuộc sống bình thường của cháu, nên sau khi ly hôn tiếp tục giao cháu Lý Thiên Ân cho ông Lý M trực tiếp nuôi là hợp tình, hợp lý và có căn cứ pháp luật. Ông Lý M là người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà Trần Thị Ngọc K cấp dưỡng nuôi cháu Lý Thiên Ân, đây là sự tự nguyện của ông Lý M. Do vậy, theo ông Lý M yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Lý Thiên Ân đến trưởng thành (tròn 18 tuổi) và ông Lý M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tuy nhiên, trong quá trình nuôi con điều kiện kinh tế của ông Lý M không đảm bảo nuôi con thì ông Lý M vẫn được quyền khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Ngọc K cấp dưỡng nuôi con (khi cháu Lý Thiên Ân chưa tròn 18 tuổi) theo quy định tại Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ lại, theo ông Lý M và bà Trần Thị Ngọc K xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, theo yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[8] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân theo mức án phí không giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; theo hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lý M.

- Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý cho ông Lý M và bà Trần Thị Ngọc K được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Lý Thiên Ân, sinh ngày 16/3/2020 cho ông Lý M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi). Bà Trần Thị Ngọc K không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho bà Trần Thị Ngọc K theo quy định pháp luật, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ lại: Theo ông Lý M không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Lý M phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004647 ngày 02/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Lý M đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú) để xin Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).*

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mến**